TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2020
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thị Như Hoa.

2. Ông Nguyễn Trọng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Hữu G, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Thúy O, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Đặng Hữu Giang trình bày: Ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Việc ông G và bà O chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian sống chung giữa ông G và bà O có 02 con chung là Đặng Hữu S, sinh ngày 14/9/1996 và Đặng Hữu S, sinh ngày 23/6/1999. Cuộc sống chung giữa ông G và bà O luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy

ra mâu thuẫn. Ông G không muốn tiếp tục chung sống với bà Oanh nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông G và bà O là vợ chồng.

Về con chung: Giữa ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O có 02 con chung là Đặng Hữu S, sinh ngày 14/9/1996 và Đặng Hữu n, sinh ngày 23/6/1999. Vì hai con chung đã trên 18 tuổi nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Đặng Hữu G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn bà Võ Thị Thúy O trình bày: Bà Võ Thị Thúy O và ông Đặng Hữu G chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Giữa ông G và bà O có 02 con chung là Đặng Hữu S sinh ngày 14/9/1996 và Đặng Hữu S, sinh ngày 23/6/1999. Hiện tại cuộc sống chung giữa bà O và ông G luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Bà đồng ý với ông G về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông G với bà O.

Về con chung: Giữa ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O có 02 con chung là Đặng Hữu S, sinh ngày 14/9/1996 và Đặng Hữu S, sinh ngày 23/6/1999. Vì hai con chung đã trên 18 tuổi nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Võ Thị Thúy O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Giang và bà O đã có lời khai đầy trong quá trình giải quyết vụ án được lưu trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt ông G và bà O không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu G, không công nhận ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O sống **c**hung với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung giữa ông G và bà O thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện tại ông G và bà O không còn sống chung với nhau nữa. Ngày 04/3/2020, ông G

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông G với bà O. Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nơi cư trú của bị đơn bà Võ Thị Thúy O tại tổ dân phố 5, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố G thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu G Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O đều xác định chung sống với nhau từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông nơi ông G và bà O đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú thì trong thời gian cư trú tại địa phương, ông G, bà O chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy việc ông G, bà O chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng".

...

Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này".

...

Như vậy, việc ông Đặng Hữu G yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O là vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về con chung: Giữa ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O có 02 con chung là Đặng Hữu S, sinh ngày 14/9/1996 và Đặng Hữu S, sinh ngày 23/6/1999. Vì hai con chung đã trên 18 tuổi nên ông G và bà O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu G. Không công nhận ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O là vợ chồng.

[5] Về án phí: Ông Đặng Hữu G phải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu G . Không công nhận Ông Đặng Hữu G và bà Võ Thị Thúy O là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Đặng Hữu G phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003430 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố G;
- CCTHADS thành phố G;
- UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Quy